TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NẬM PỒ** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HS-ST
Ngày: 26-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM PỒ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao

C*ác Hội thẩm nhân dân:* Ông Lò Văn Tuấn và ông Vàng A Hý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà*:** Ông Lê Xuân Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điên Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2021/TLST-HS ngày 02/4/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HS ngày 14/4/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lò Văn T; sinh ngày 01/12/2000 tại huyện N, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản TP, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn Th và bà Lò Thị M; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/10/2020, sau đó tạm giam từ ngày 24/10/2020 cho tới nay, có mặt.

2. Họ và tên: Lò Văn D; sinh ngày 25/12/1972 tại huyện M, tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: Bản TP, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn C (đã chết) và bà Lò Thị Q; Bị cáo có vợ là Vàng Thị H và 03 con; Tiền sự: Không; Tiền án: Có 01 tiền án. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/10/2020, sau đó tạm giam từ ngày 30/10/2020 cho tới nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T:* Ông Lường Văn Bình, là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn D:* Bà Nguyễn Thị Thu Huyền, là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Lò Văn Th, sinh năm 1975, có mặt.

2. Bà Lò Thị M, sinh năm 1982, có mặt.

Cùng địa chỉ: Bản TP, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 15 giờ 25 phút, ngày 21/10/2020, ông Lò Văn Th đang ở nhà tại bản TP, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên, phát hiện con trai là Lò Văn T đang cất giấu 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long, bên trong có 01 gói nhỏ được gói bằng giấy bạc chứa chất bột màu trắng đục nghi là Heroine, trong túi áo ngực bên trái đang mặc. Ông Th đã tiến hành bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng và gọi điện báo tin với Công an xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Quá trình điều tra đã xác định: Khoảng 13 giờ ngày 21/10/2020 tại bản TP, xã S, huyện N, Lò Văn T vào trong phòng ngủ của bố đẻ là ông Lò Văn Th lấy 200.000 đồng ở chiếc ví để trong túi quần. Sau đó, T xuống dưới nhà sàn lấy điện thoại của mẹ đẻ là bà Lò Thị M đang để ở trên giường, điện cho Lò Văn D ở cùng bản TP hỏi mua 200.000 đồng Heroine. D bảo T đi lên đầu bản TP, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên để trao đổi mua bán Heroine. Lò Văn T đã mua 01 gói Heroine được gói bằng giấy màu bạc của Lò Văn D với giá 200.000 đồng, sau đó bỏ vào vỏ bao thuốc lá, nhãn hiệu Thăng Long cất giấu trong túi áo ngực bên trái đi bộ về nhà thì bị ông Lò Văn Th phát hiện, bắt quả tang.

Trên cơ sở lời khai của Lò Văn T, ngày 22/10/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành khám xét chỗ ở của Lò Văn D tại bản TP, xã S, huyện N. Quá trình khám xét đã phát hiện trong 01 chiếc gối ôm màu xanh có nhiều họa tiết trên giường ngủ của Lò Văn D, có 01 gói nilon màu trắng, mở bên trong có một lớp cao su màu đen, mở tiếp là một gói nilon màu xanh bên trong chứa chất bột dạng nén màu trắng đục nghi là Heroine. Khi nghe tin chỗ ở bị khám xét, Lò Văn D đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú, đến ngày 27/10/2020 Lò Văn D đã tự giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng ngày 22/10/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N xác định: chất bột màu trắng đục được gói bằng giấy bạc thu giữ của Lò Văn T có khối lượng 0,17 (không phẩy mười bẩy) gam, lấy mẫu giám định toàn bộ.

Tại Biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng ngày 28/10/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N xác định: Vật chứng thu giữ khi khám xét chỗ ở của Lò Văn D có khối lượng 1,2 (một phẩy hai) gam, lấy mẫu giám định 0,11 (không phẩy mười một) gam, còn lại 1,09 (một phẩy không chín) gam.

Tại Kết luận giám định số: 937/GĐ-PC09, ngày 29/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: "Mẫu chất bột màu trắng thu giữ

của Lò Văn T gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroine. Heroine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 9, Mục IA, Danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018".

Tại Kết luận giám định số: 963/GĐ-PC09, ngày 07/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: "Mẫu chất bột màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Lò Văn D gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroine. Heroine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 9, Mục IA, Danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.".

Tại bản Cáo trạng số: 14/CT-VKS-NP ngày 31/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Lò Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự; bị cáo Lò Văn D về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Lò Văn T và bị cáo Lò Văn D đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình phù hợp với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố các bị cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi liên quan đến vụ án ông Lò Văn Th và bà Lò Thị M nhất trí với lời khai của các bị cáo cũng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lò Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo Lò Văn D về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò Văn T; áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 đối với bị cáo Lò Văn D. Đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 12 tháng đến 18 tháng tù, bị cáo Lò Văn D từ 32 tháng đến 38 tháng tù. Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án là Heroine sau khi đã trừ mẫu giám định và 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long, 01 gối ôm màu xanh có nhiều họa tiết; truy thu của bị cáo Lò Văn D số tiền 200.000 đồng sung ngân sách nhà nước. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T và người bào chữa cho bị cáo Lò Văn D đều nhất trí với nội D bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật. Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm theo quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn T mức thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên, đề nghị miễn hình phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và tình tiết

tăng nặng theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo, xử phạt bị cáo dưới mức đề nghị của Kiểm sát viên, đề nghị miễn hình phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Các bị cáo Lò Văn T và Lò Văn D đều nhất trí với phần tranh luận của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận gì thêm; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận gì. Khi nói lời sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Lò Văn T và Lò Văn D đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội D bản Cáo trạng và Luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Lời khai của các bị cáo thống nhất với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với Biên bản khám xét chỗ ở, phù hợp với các vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 13 giờ ngày 21/10/2020, Lò Văn T đã mua 01 gói Heroine có khối lượng 0,17 (không phẩy mười bẩy) gam, được gói bằng giấy màu bạc của Lò Văn D tại khu vực đầu bản TP, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên với giá 200.000 đồng. Mục đích Lò Văn T mua Heroine của Lò Văn D là để tàng trữ sử dụng cho bản thân vì T là người nghiện ma túy. Trên cơ sở lời khai của bị cáo Lò Văn T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành khám xét chỗ ở của bị cáo Lò Văn D, phát hiện bên trong 01 chiếc gối ôm màu xanh, có nhiều họa tiết để trên giường ngủ của Lò Văn D có 01 gói Heroine khối lượng 1,2 (một phẩy hai) gam. Nguồn gốc số Heroine này là của bị cáo Lò Văn D thuê 01 người đàn ông dân tộc Mông, khoảng 40 tuổi mua ở khu vực bản Nậm Chim, xã Ma Thì Hồ, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên với giá 400.000 đồng vào ngày 20/10/2020, D trả công cho người đàn ông dân tộc Mông là 50.000 đồng. Sau khi mua được gói Heroine, bị cáo D đã bán cho bị cáo T 0,17 gam, số còn lại là 1,2 gam D cất giấu trong gối ôm trên giường ngủ. Mục đích bị cáo Lò Văn D mua Heroine là để bán cho bị cáo Lò Văn T kiếm lời và sử dụng cho bản thân vì D là người nghiện ma túy.

Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lò Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự, bị cáo Lò Văn D phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự quy định: *"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:…*

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam".

Tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự quy định: *"1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm"*

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, xâm phạm đến sự độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Hành vi của các bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội trên địa bàn huyện N, bởi vì ma túy không chỉ hủy hoại sức khỏe của con người mà còn là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội khác. Bản thân các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, không bị ai xúi giục. Hành vi mua Heroine của bị cáo Lò Văn T và hành vi bán Heroine của bị cáo Lò Văn D cấu thành 02 tội độc lập nên trong vụ án không có sự đồng phạm.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều xuất thân trong gia đình nông dân nhưng không chịu lao động, sống buông thả, không làm chủ được bản thân nên đã nghiện chất ma túy. Tuy vậy, khi bị bắt giữ các bị cáo luôn thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Tại phiên tòa, các bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Lò Văn T, ngoài lần phạm tội này bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi bị phát hiện hành vi phạm tội, bị cáo T đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra, phát hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Lò Văn D, được Viện kiểm sát nhân dân huyện N xác nhận. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Lò Văn D, sau khi bị phát hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn nhưng đến ngày 27/10/2020 bị cáo đã tự giác đầu thú, giúp quá trình điều tra được thuận lợi. Ngoài ra, bị cáo còn có bố đẻ là ông Lò Văn C được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì vì có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Do đó, Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, tại bản án số 55/2018/HS-ST, ngày 28/8/2018, bị cáo Lò Văn D bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xử phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đến ngày 24/6/2019 bị cáo được Trại giam Nà Tấu cấp Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù, ngày 21/10/2020 bị cáo tiếp tục phạm tội trong vụ án này. Bị cáo Lò Văn D thực hiện hành vi phạm

tội mới do lỗi cố ý khi chưa được xóa án tích, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự thuộc trường hợp tái phạm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự thì *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*", do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, các bị cáo đều là người nghiện ma túy, nghề nghiệp chính là làm ruộng, không có thu nhập ổn định, các bị cáo cũng không có tài sản riêng có giá trị (Biên bản xác minh ngày 23/02/2021 tại Ủy ban nhân dân xã S của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N), nên các bị cáo đều không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Đối với vật chứng là 0,17 gam Heroine thu giữ của bị cáo Lò Văn T, cơ quan điều tra đã gửi giám định toàn bộ, Phòng kỹ thuật hình sự không hoàn lại mẫu giám định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với vật chứng là 1,2 gam Heroine, đã trừ mẫu giám định 0,11 gam, còn lại 1,09 gam thu giữ của bị cáo Lò Văn D, là vật Nhà nước cấm tàng trữ. Đối với 01 vỏ bao thuốc là nhãn hiệu Thăng Long thu giữ của Lò Văn T; 01 chiếc gối ôm màu xanh có nhiều họa tiết và nilon, cao su màu đen thu giữ của Lò Văn D là công cụ phạm tội, không có giá trị. Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét quyết định tịch thu tiêu huỷ những vật chứng này.

Đối với số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng là tiền bị cáo Lò Văn D bán Heroine cho bị cáo Lò Văn T mà có. Trong quá trình bị cáo bỏ trốn đã tiêu hết số tiền này, Cơ quan điều tra không thu giữ được. Nguồn gốc số tiền này là của gia đình bị cáo Lò Văn T sử dụng chi tiêu sinh hoạt hằng ngày, bà Lò Thị M và ông Lò Văn Th không có ý kiến gì về số tiền này. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự truy thu số tiền 200.000 đồng của bị cáo Lò Văn D để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với chiếc điện thoại di động của bà Lò Thị M là mẹ đẻ bị cáo Lò Văn T, do T sử dụng vào ngày 21/10/2020 để liên hệ hỏi mua Heroine của Lò Văn D là tài sản của bà Lò Thị M. Bà Minh không biết bị cáo sử dụng điện thoại của mình để liên hệ mua bán ma túy nên cơ quan điều tra không thu giữ, Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với chiếc điện thoại di động của bị cáo Lò Văn D dùng để liên hệ trao đổi mua bán ma túy với bị cáo Lò Văn T, do trong quá trình bị cáo D bỏ trốn đã làm rơi mất, bị cáo không nhớ rơi ở đâu, cơ quan điều tra không có cơ sở để truy tìm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét đề nghị của người bào chữa: Tại phiên tòa người bào chữa cho các bị cáo nhất trí với luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo. Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn D đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và xem xét nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội, xử phạt bị cáo dưới mức đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Lò Văn D mặc dù có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm. Điều đó thể hiện, hình phạt của bản án trước chưa đủ răn đe, giáo dục bị cáo. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc đối với bị cáo, để bị cáo có thời gian cải tạo bản thân trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên không chấp nhận đề nghị của người bào chữa.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiếnhành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Trong vụ án bị cáo Lò Văn D khai nhận đã thuê 01 người đàn ông dân tộc Mông, khoảng 40 tuổi mua Heroine với tiền công là 50.000 đồng tại khu vực Km21 quốc lộ 4H thuộc bản Nậm Chim, xã Ma Thì Hồ, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Do bị cáo không biết tên, địa chỉ cụ thể của người đàn ông này ở đâu nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không có căn cứ để điều tra, làm rõ xử lý theo quy định, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Tại phiên tòa các bị cáo Lò Văn T và Lò Văn D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo. Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, Hội đồng xét xử thấy, các bị cáo là người dân tộc thiểu số (đều là dân tộc Thái) sống tại xã S, huyện N là xã có điều kiện - xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[10] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý; bị cáo Lò Văn D phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lò Văn T, xử phạt bị cáo Lò Văn T 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 21/10/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lò Văn D, xử phạt bị cáo Lò Văn D 32 (ba mươi hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 27/10/2020.

3. Về vật chứng**:** Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu huỷ: 1,09 (một phẩy không chín) gam Heroine còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định, 01 chiếc gối ôm màu xanh có nhiều họa tiết, 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long và toàn bộ nilon, cao su màu đen, phong bì niêm phong cũ.

Truy thu của bị cáo Lò Văn D số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng sung ngân sách nhà nước.

(Vật chứng được niêm phong như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/3/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện N)

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn T và Lò Văn D.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA - TA Tỉnh;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Cơ quan CSĐT CA huyện N;
- Cơ quan THAHS CA N;
- Nhà tạm giữ CA huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu HSVA, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Sao

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Văn Tuấn **Vàng A Hý** **Phạm Thị Sao**